

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày: 09-01-2018

V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

2. Ông Lưu Vĩnh Tuyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hách Thị T**, sinh năm 1975;

Cư trú tại: Tổ 10, ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985;

Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983 là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2017.

Cư trú tại: 36/6, khu phố P, phường O, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở hiện nay: Số 18, đường Trần Văn Y, tổ 07, khu phố M, thị trấn N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà T, anh N, anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hách Thị T trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2016 (Âm lịch) đến tháng 11/2016 (Âm lịch), bà có cho chị Nguyễn Thị H vay tiền nhiều lần, tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Ngày 27/11/2016 (Âm lịch) hai bên chốt nợ và chị H có viết và ký giấy nhận nợ 80.000.000 đồng, hẹn đến tháng 3/2017 sẽ trả hết nợ. Ngoài ra hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất vay 1%/tháng nhưng chị H chưa trả được khoản nợ gốc, lãi nào.

Từ tháng 12/2016 (Âm lịch) đến tháng 01/2017 (Âm lịch), chị H tiếp tục vay tiền của bà nhiều lần với tổng số tiền 80.000.000 đồng, đến ngày 29/01/2017 (Âm lịch) hai bên chốt nợ và chị H có viết và ký tên trên giấy nhận nợ với số tiền 80.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả nợ là 29/3/2017. Ngoài ra hai bên thỏa thuận miệng lãi suất vay 1%/tháng.

Từ khi vay đến nay mẹ ruột chị H có đóng tiền lãi thay cho chị H 3.000.000 đồng không viết giấy tờ, ngoài ra chị H chưa trả khoản tiền nào.

Việc vay mượn tiền giữa bà và chị H, anh P không trực tiếp giao nhận tiền nhưng chị H nói anh P có biết, sau này bà có gặp anh P để nói về số tiền nợ trên. Do chị H và anh P hiện đang chung sống vợ chồng tiền vay chị H nói dùng để cho vay lại lấy lãi và choàng hui cho các hui viên nên anh P phải có trách nhiệm cùng chị H trả số tiền nợ này.

Nay bà yêu cầu chị H, anh P có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 157.000.000 đồng đã trừ số tiền 3.000.000 đồng mà mẹ ruột chị H đã trả thay cho chị H, bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn anh Lê Hoàng P trình bày:

Việc vay tiền giữa bà T và chị H anh hoàn toàn không biết, anh không ký nhận nợ, khi giao tiền anh cũng không chứng kiến. Vợ anh vay tiền của bà T là do đứng ra vay dùm cho người khác. Anh cũng không hỏi rõ vì giữa ba mẹ vợ anh, bà T và chị H có gặp mặt hứa đứng ra trả số tiền nợ nêu trên nên anh không quan tâm đến số tiền nợ này. Số tiền chị H vay cũng không dùng chi tiêu trong gia đình nên anh không đồng ý có trách nhiệm trả số tiền nợ bà T yêu cầu.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị H., anh Nguyễn Văn N trình bày:

Chị H thừa nhận lời trình bày của bà T về thời gian vay, số tiền vay trong giấy nhận nợ ngày 29/01/2017 (Âm lịch) là đúng. Chị H đồng ý với yêu cầu của bà T trả số tiền nợ 80.000.000 đồng theo giấy nợ ký ngày 29/01/2017 (Âm lịch) trừ đi số tiền mẹ ruột chị H đã trả cho bà T là 3.000.000 đồng còn nợ lại 77.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay 80.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 27/11/2016 (Âm lịch) chị H chỉ nhận trực tiếp từ bà T 50.000.000 đồng, còn số tiền 30.000.000 đồng chị H đã nhờ cậu ruột là ông Phạm Văn K nhận thay, khi nhận

tiền thì ông K có viết giấy nợ cho bà T, ông K ký tên người mượn. Ngày 27/11/2016 (Âm lịch), chị H vẫn không trả được nợ vay cũ 50.000.000 đồng và 30.000.000 đồng ông K vay dùm nên viết giấy nhận nợ là 80.000.000 đồng. Khoảng tháng 3/2017, chị H đã trả được cho bà T 30.000.000 đồng, bà T đã trả lại giấy nợ mà ông K ký tên. Nên chị H chỉ còn nợ lại bà T 50.000.000 đồng.

Chị H chỉ đồng ý trả bà T tổng số tiền nợ gốc của hai khoản vay là 127.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu anh P cùng có trách nhiệm trả nợ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu ý kiến: Qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Việc chị H có mượn của bà T số tiền 160.000.000 đồng là có thật, được chứng minh bằng 02 giấy nhận nợ do chị H ký nhận, việc chị H mượn tiền nhằm trang trải chung cho cuộc sống gia đình chị và các con; đồng thời chị H còn phải trả lãi cho các khoản vay Ngân hàng chung của vợ chồng; nay bà T đồng ý khấu trừ 3.000.000 đồng mà bà G, mẹ chị H đã trả thay, nên chỉ yêu cầu chị H, anh P trả 157.000.000 đồng.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện cả nguyên đơn là có căn cứ, đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu.

Chị H, anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Hách Thị T, anh Lê Hoàng P và anh Nguyễn Văn N là nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, anh P và anh N.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hách Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị H, anh Lê Hoàng P cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 157.000.000 đồng, thấy rằng:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà T và chị H là có thật. Chị H thừa nhận có vay của bà T tổng cộng 160.000.000 đồng, có ký 02 giấy nhận nợ: Giấy nhận nợ ngày 27/11/2016 (Âm lịch) số tiền nợ 80.000.000 đồng và giấy nhận nợ ngày 29/01/2017 (Âm lịch) nợ vay 80.000.000 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H thống nhất với lời trình bày của bà T có vay 80.000.000 đồng như giấy nhận nợ ngày 29/01/2017 (Âm lịch). Hiện đã trả được cho bà T 3.000.000 đồng, còn nợ lại 77.000.000 đồng. Nay chị H đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc 77.000.000 đồng như bà T yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền nợ 80.000.000 đồng ghi trong Giấy nhận nợ ngày 27/11/2016 (Âm lịch), chị Nguyễn Thị H chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng vì cho rằng trong đó bao gồm số tiền nợ 30.000.000 đồng do cậu ruột là ông Phạm Văn K (tự G) trực tiếp đứng ra vay dùm. Tháng 3/2017, chị H đã trả xong nợ 30 triệu đồng cho bà T đồng thời bà T đã trả lại giấy nợ gốc cho ông K. Bà T trình bày số tiền 30.000.000 đồng ông K vay và 80.000.000 đồng chị H vay hoàn toàn là hai khoản vay khác nhau. Ông K có vay tiền của bà, có viết giấy nợ, sau khi mẹ ruột chị H mang trả bà 30.000.000 đồng thay ông K bà đã trả lại giấy nợ đó cho ông K không liên quan đến khoản nợ 80.000.000 đồng của chị H. Qua xác minh thu thập chứng cứ thấy rằng: Việc vay mượn tiền giữa chị H và bà T như thế nào ông K hoàn toàn không biết. Ông K chỉ biết chị H có nhờ ông đến vay của bà T 30.000.000 đồng, ông có nhận tiền và ký giấy nợ cho bà T. Sau khi nhận tiền ông K mang tiền về trực tiếp đưa cho chị H và cũng có nói rõ với chị H việc ông K đã viết giấy nợ cho bà T. Nhưng nội dung giấy nợ ký ngày 29/01/2017 (Âm lịch) chỉ có nội dung chị H có vay của bà T số tiền 80.000.000 đồng, ngày trả tiền là 29/3/2017 không có nội dung ghi nhận số tiền 80 triệu đồng bao gồm số tiền 30.000.000 đồng ông K đã ký vay ngày 22/10/2016 (Âm lịch). Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, chị H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh số tiền nợ 80.000.000 đồng trong giấy nhận nợ lập ngày 29/01/2017 (Âm lịch) bao gồm số tiền nợ 30.000.000 đồng ông K đã vay nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T buộc chị H trả cho bà T số tiền nợ gốc 157.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu của bà T yêu cầu anh Lê Hoàng P cùng có nghĩa vụ trả số tiền 157.000.000 đồng do chị H và anh P là vợ chồng, tiền vay nhằm lo cho gia đình; Anh P không đồng ý vì cho rằng việc vay tiền giữa bà T và chị H, anh P hoàn toàn không biết và anh P cũng không có ký giấy nợ với bà T, việc vay tiền không dùng chi phí trong gia đình thấy rằng: Qua xác minh thu thập chứng cứ thấy rằng anh P và chị H hiện đang chung sống vợ chồng. Anh P là giáo viên thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 4 triệu đồng. Mọi chi phí cuộc sống hàng ngày trong gia đình phần lớn đều do chị H tự lo. Hàng tháng anh P chỉ đưa 1.000.000 đồng cho chị H để phụ vợ nuôi 02 con nhỏ và chi tiêu trong gia đình.

Tài chính và công việc làm ăn của gia đình do chị H quyết định, anh P không biết, cụ thể như việc chị H vay tiền của bà T anh P hoàn toàn không biết. Tuy nhiên số tiền chị H vay của bà T nhằm mục đích đem cho người khác vay hưởng lãi suất chênh lệch và xoay sở các dây hụi do chị H làm chủ hụi, đều nhằm mục đích chăm lo kinh tế trong gia đình. Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình có đủ cơ sở buộc vợ chồng chị H, anh P có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 157.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị H, anh Lê Hoàng P phải chịu 157.000.000 đồng x 5% = 7.850.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hách Thị T đối với chị Nguyễn Thị H, anh Lê Hoàng P về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hoàng P có trách nhiệm liên đới hoàn trả bà Hách Thị T số tiền nợ gốc 157.000.000 (một trăm năm mươi bảy triệu) đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bà Hách Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị H, anh Lê Hoàng P không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị Nguyễn Thị H, anh Lê Hoàng P còn phải trả cho bà Hách Thị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hoàng P phải chịu 7.850.000 (bảy triệu, tám trăm, năm mươi nghìn) đồng.

Bà Hách Thị T không phải chịu án phí dân sự. Hoàn trả cho bà Hách Thị T 4.000.000 (bốn triệu) đồng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004462 ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV &THA TAT Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu án, lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Oanh Kiều